

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:10 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 8 - 2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Na

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Văn Hợp

Bà Phùng Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Mạnh B, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị A trình bày:

Chị và anh Vi Mạnh B trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau được khoảng một năm, sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2016, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng sáu tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Chị và anh Vi Mạnh B đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B và đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Vi Mạnh B vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 04 tháng 6 năm 2018 anh Vi Mạnh B trình bày: Anh và chị Hoàng Thị A kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2016, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau hơn một năm thì hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 8 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 11 năm 2016 chị A bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị A và đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Hoàng Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm túc quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các tài liệu chứng cứ Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án;

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 2 Điều 53; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Hoàng Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Ngày 27 tháng 7 năm 2018 bị đơn anh Vi Mạnh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Vi Mạnh B.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có cưới xin theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nơi cư trú theo quy định của pháp luật là không tuân thủ các quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa Chị Hoàng Thị A vẫn giữ ý kiến như theo đơn khởi kiện. Xét thấy: Chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng cả hai anh chị không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nơi cư trú là vi phạm vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị A với anh Vi Mạnh B không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ giữa chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B không phải là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B chưa có con chung. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B không có tài sản chung, nợ chung, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị A và anh Vi Mạnh B không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2012/04831 ngày 21 tháng 5 năm 2018.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Na